

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 - 73
Phụ lục 1 - Danh sách công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	74 - 79

UN
M
NH
T.P

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 63 được cấp ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên	
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Việt Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2017
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên	
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban	
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hoàn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

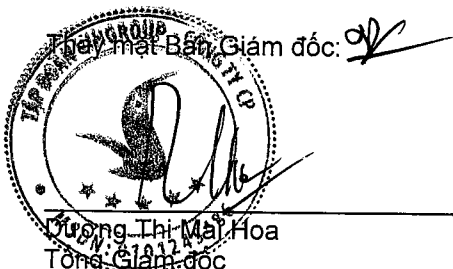
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

The seal of Vingroup Group is circular with the text 'TẬP ĐOÀN VININGROUP' at the top and 'CÔNG TY CỔ PHẦN' at the bottom. In the center is a stylized bird logo. To the right of the seal is a handwritten signature. Below the seal, the text reads 'Trưởng Ban Giám đốc' and 'Đương Thị Mai Hoa'.

Trưởng Ban Giám đốc: 

Đương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60729565/19440528

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 79, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



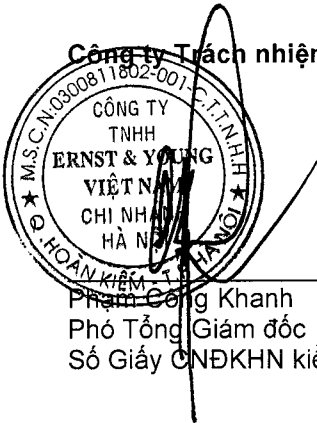
Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

2-
T
H
Y
NA
HÀ
NỘI
1-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.053.679.376.269	27.199.433.210.089
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.626.940.607.383	1.360.177.826.566
111	1. Tiền		1.620.017.074.143	1.360.177.826.566
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.923.533.240	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.060.520.000	13.372.452.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		32.369.112.000	32.369.112.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(18.308.592.000)	(18.996.660.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.686.711.964.313	15.541.218.687.080
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	3.574.272.812.800	883.517.847.090
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.089.142.077.014	515.334.735.744
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	23.344.097.155.362	9.916.131.797.015
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.727.760.065.480	4.257.348.097.402
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(48.560.146.343)	(31.113.790.171)
140	IV. Hàng tồn kho		6.424.417.239.026	5.290.511.327.802
141	1. Hàng tồn kho	10	6.424.417.239.026	5.290.511.327.802
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		301.549.045.546	4.994.152.916.641
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	138.311.604.940	114.644.228.063
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		139.282.835.856	155.554.083.828
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	12	23.954.604.750	4.723.954.604.750

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.372.693.489.812	55.723.140.138.323
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		120.190.140.000	2.840.560.540.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	2.720.370.400.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	120.190.140.000	120.190.140.000
220	II. Tài sản cố định		222.211.088.368	224.377.279.124
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	204.380.443.701	205.775.165.344
222	Nguyên giá		317.592.108.997	298.505.269.512
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(113.211.665.296)	(92.730.104.168)
227	2. Tài sản cố định vô hình		17.830.644.667	18.602.113.780
228	Nguyên giá		45.099.022.509	41.638.580.909
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.268.377.842)	(23.036.467.129)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	3.484.871.385.840	1.727.150.050.091
231	1. Nguyên giá		3.549.189.308.844	1.740.841.614.251
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(64.317.923.004)	(13.691.564.160)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	16	2.753.469.873.603	3.272.046.066.399
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.753.469.873.603	3.272.046.066.399
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		34.353.925.051.155	47.566.594.464.074
251	1. Đầu tư vào công ty con	17.1	32.696.401.590.844	46.106.922.943.969
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	1.753.577.500.000	1.584.777.500.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.1	(116.054.039.689)	(145.105.979.895)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	20.000.000.000	20.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		438.025.950.846	92.411.738.635
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	336.056.695.863	61.545.841.274
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		41.969.254.983	30.865.897.361
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	60.000.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		82.426.372.866.080	82.922.573.348.412

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		39.935.215.106.454	42.084.048.424.735
310	I. Nợ ngắn hạn		17.563.809.953.614	20.247.646.895.138
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	720.608.328.807	729.171.151.369
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	3.582.274.026.229	1.401.829.924.191
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	740.574.629.929	738.729.948.101
314	4. Phải trả người lao động		142.485.209	17.317.928.421
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	1.798.948.340.729	1.333.319.482.091
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.401.142.872	9.808.000.104
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	3.658.781.216.506	3.230.056.058.846
320	8. Vay ngắn hạn	23.1	7.061.079.783.333	12.787.414.402.015
330	II. Nợ dài hạn		22.371.405.152.840	21.836.401.529.597
338	1. Vay dài hạn	23.2	22.371.405.152.840	21.836.401.529.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42.491.157.759.626	40.838.524.923.677
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	42.491.157.759.626	40.838.524.923.677
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		26.377.079.540.000	26.377.079.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		26.377.079.540.000	26.377.079.540.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.920.405.048.300	13.920.405.048.300
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		36.000.000.000	31.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.157.673.171.326	510.040.335.377
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		505.040.335.377	94.895.396.911
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.652.632.835.949	415.144.938.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		82.426.372.866.080	82.922.573.348.412



Nguyễn Thị Hồng Ánh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đông Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	3.276.457.961.209	1.275.006.512.285
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	3.276.457.961.209	1.275.006.512.285
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26	(1.962.100.776.300)	(880.354.577.921)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.314.357.184.909	394.651.934.364
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	2.416.834.935.625	2.840.123.099.563
22	7. Chi phí tài chính	27	(1.698.710.968.899)	(1.672.862.202.166)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(1.420.271.492.859)</i>	<i>(1.566.717.076.756)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	28	(221.858.910.127)	(71.899.346.409)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(77.594.410.243)	(131.150.750.778)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.733.027.831.265	1.358.862.734.574
31	11. Thu nhập khác	29	4.591.857.083	3.974.164.699
32	12. Chi phí khác	29	(1.322.953.188)	(751.975.257)
40	13. Lợi nhuận khác	29	3.268.903.895	3.222.189.442

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.736.296.735.160	1.362.084.924.016
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(94.767.256.833)	(16.319.667.197)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		11.103.357.622	471.092.249
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.652.632.835.949	1.346.236.349.068



Nguyễn Thị Hồng Ánh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.736.296.735.160	1.362.084.924.016
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		84.319.693.982	21.211.526.874
03	(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng		(12.293.652.034)	117.665.375.809
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	25.2, 27	(4.129.212.669)	(216.896.700.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	25.2	(2.398.032.989.604)	(2.522.622.006.053)
06	Chi phí lãi vay	27	1.420.271.492.859	1.566.717.076.756
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		826.432.067.694	328.160.197.402
09	Tăng các khoản phải thu		(517.477.413.146)	(441.696.651.757)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.133.905.911.224)	(196.732.173.409)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.488.340.832.344	304.536.875.470
12	Tăng chi phí trả trước		(292.108.446.373)	(24.029.761.786)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.387.517.737.189)	(1.544.315.421.322)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(96.394.974.806)	(11.952.054.267)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		887.368.417.300	(1.586.028.989.669)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.418.466.757.478)	(2.282.202.161.144)
22	Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11.313.600	48.562.753
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.983.609.848.748)	(9.697.109.235.633)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.195.459.865.415	15.779.767.574.867
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(946.852.658.400)	(12.591.815.733.257)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.380.949.063.304	5.287.781.047.181
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		422.535.168.491	3.260.276.933.169
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.650.026.146.184	(243.253.012.064)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay và nợ trái phiếu		8.609.242.064.963	18.703.679.477.047
34	Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu		(12.879.873.811.089)	(17.751.621.048.789)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(4.270.631.746.126)	952.058.428.258
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		266.762.817.358	(877.223.573.475)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	1.360.177.826.566	1.071.293.410.389
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(36.541)	3.372.408
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.626.940.607.383	194.073.209.322



Nguyễn Thị Hồng Ánh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 63 được cấp ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động phát triển và chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 312 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 333).

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản cũng như tình hình thị trường tại các thời điểm các dự án bất động sản được chào bán.

Các hoạt động khác của Công ty dự kiến sẽ ổn định và ít chịu ảnh hưởng của tính chất mùa vụ.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 52 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có các công ty con như được trình bày tại Phụ lục số 1 và Thuyết minh số 17.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 ("Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	37 - 38 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị quản lý	2 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 15 năm

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	45 – 50 năm
Nhà cửa	50 năm
Tài sản khác	15 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Trong kỳ, Công ty đã dùng một số bất động sản đầu tư để hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh với các đối tác. Công ty tiếp tục ghi nhận các tài sản này trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ do Công ty là chủ đầu tư của các dự án bất động sản này. Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư/kinh doanh theo hình thức chia sẻ lợi nhuận được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo quyết toán và phân chia lợi nhuận giữa các bên tham gia hợp đồng.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, lợi thế thương mại, và các chi phí trả trước khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà thầu xây dựng hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày của bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ và biệt thự

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ và biệt thự đã bán trong quá khứ.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.17 Tiền ứng trước từ khách hàng mua nhà

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở, căn hộ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và ghi nhận là quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán và vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng phí thương hiệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Sáp nhập công ty con

Tài sản và nợ phải trả của các công ty con của Công ty được sáp nhập vào Công ty đã được ghi nhận vào báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị hợp lý được ước tính tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động chuyển nhượng bất động sản, cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	634.412.723	639.753.275
Tiền gửi ngân hàng	1.619.382.661.420	1.359.538.073.291
Khoản tương đương tiền	6.923.533.240	-
TỔNG CỘNG	<u>1.626.940.607.383</u>	<u>1.360.177.826.566</u>

Khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng với lãi suất 4,3%/năm.

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	5.187	7.835
- Euro	68	73

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý		
Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Đầu khí	32.369.112.000	14.060.520.000	(18.308.592.000)	32.369.112.000	13.372.452.000	(18.996.660.000)
TỔNG CỘNG	32.369.112.000	14.060.520.000	(18.308.592.000)	32.369.112.000	13.372.452.000	(18.996.660.000)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
- Trái phiếu dài hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG					

(*) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo. Trái phiếu này được phát hành vào ngày 25 tháng 11 năm 2016, với thời hạn 10 năm, với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu. Lãi suất trái phiếu cho kỳ tính lãi đầu tiên là 7,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	2.401.856.342.000	-
Phải thu từ cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác	869.080.324.642	631.393.854.072
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	249.724.298.253	223.715.714.426
Phải thu từ hoạt động kinh doanh khác	53.611.847.905	28.408.278.592
TỔNG CỘNG	<u>3.574.272.812.800</u>	<u>883.517.847.090</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32.2)</i>	<i>3.296.075.031.183</i>	<i>646.055.182.131</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>278.197.781.617</i>	<i>237.462.664.959</i>
Chi tiết các khoản phải thu từ khách hàng chiếm trên 10% tổng phải thu khách hàng ngắn hạn		
<i>Phải thu từ một đối tác doanh nghiệp</i>	<i>58.000.000.000</i>	<i>137.000.000.000</i>
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.944.255.910)	(4.944.255.910)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán	789.743.438.903	482.952.949.944
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32.2)	299.398.638.111	32.381.785.800
TỔNG CỘNG	<u>1.089.142.077.014</u>	<u>515.334.735.744</u>
Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm trên 10% tổng trả trước cho người bán ngắn hạn		
<i>Trả trước cho một đối tác doanh nghiệp nhà thầu xây lắp</i>	<i>78.207.500.771</i>	<i>125.026.757.868</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Các khoản cho vay các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 32.3)	23.206.019.268.828	9.794.053.910.481
Các khoản cho vay các bên liên quan dài hạn đến hạn thu hồi (Thuyết minh số 32.3)	-	39.000.000.000
Các khoản cho vay ngắn hạn khác (i)	83.077.886.534	83.077.886.534
Khoản cho bên khác vay dài hạn đến hạn thu hồi (ii)	55.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>23.344.097.155.362</u>	<u>9.916.131.797.015</u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(41.538.943.270)	(24.923.365.963)
Dài hạn		
Các khoản cho vay các bên liên quan dài hạn (Thuyết minh số 32.3)	-	2.704.370.400.000
<i>Trong đó: các khoản cho bên liên quan vay dài hạn đến hạn thu hồi</i>	-	<i>(39.000.000.000)</i>
Các khoản cho các bên khác vay dài hạn	-	55.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>2.720.370.400.000</u>

- (i) Số dư cuối kỳ bao gồm một khoản cho vay một đối tác doanh nghiệp không có tài sản đảm bảo với số tiền là 83 tỷ VND.
- (ii) Số dư cuối kỳ bao gồm khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với lãi suất 7%/năm, đáo hạn ngày 20 tháng 6 năm 2018 và có tài sản đảm bảo là cổ phần của một công ty con do doanh nghiệp này nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Phải thu cổ tức từ công ty con	1.691.311.975.137	-
Lãi phải thu từ các khoản cho vay, đặt cọc và tiền gửi ngân hàng	1.261.191.994.811	1.185.778.045.730
Phải thu lại các khoản đặt cọc cho các hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	1.035.000.000.000	2.535.000.000.000
Phải thu do thanh toán hộ	223.136.075.288	120.652.964.575
Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	198.008.960.559	86.408.673.786
Ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ thanh toán	106.387.828.140	137.953.464.430
Ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ thực hiện dự án	90.000.000.000	120.000.000.000
Các khoản phải thu khác	122.723.231.545	71.554.948.881
TỔNG CỘNG	4.727.760.065.480	4.257.348.097.402
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.619.500.486.692</i>	<i>3.471.828.845.648</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32.2)</i>	<i>3.108.259.578.788</i>	<i>785.519.251.754</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(2.076.947.163)	(1.246.168.298)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	120.190.140.000	120.190.140.000
TỔNG CỘNG	120.190.140.000	120.190.140.000

- (i) Số dư cuối kỳ là khoản phải thu tiền đặt cọc cho một đối tác doanh nghiệp được bảo đảm bằng 109.908.396 cổ phiếu của một tổ chức tài chính được nắm giữ bởi đối tác doanh nghiệp đó và một số cổ đông của tổ chức tài chính đó. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Hà Nội.
- (ii) Số dư cuối kỳ là khoản tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn 3 năm và được hưởng lãi suất 7%/năm. Khoản tiền gửi ngân hàng này được ký quỹ cho mục đích đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty theo một hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu trong nước (Thuyết minh 23.2).

9. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu gốc và lãi cho vay các khách hàng đã quá hạn thanh toán, lãi phải thu của khoản nợ khó đòi mà không được ghi nhận doanh thu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Phải thu từ một đối tác doanh nghiệp:				
Gốc cho vay	87.231.780.861	43.615.890.428	87.231.780.861	61.062.246.600
Lãi cho vay	83.077.886.534	41.538.943.264	83.077.886.534	58.154.520.571
Phải thu khách hàng	4.153.894.327	2.076.947.164	4.153.894.327	2.907.726.029
Phải thu khách hàng	4.944.255.910	-	4.944.255.910	-
TỔNG CỘNG	92.176.036.771	43.615.890.428	92.176.036.771	61.062.246.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Bất động sản đang xây dựng dở dang	6.126.588.886.893	-	4.940.448.250.238	-
Thành phẩm bất động sản	297.828.352.133	-	350.063.077.564	-
TỔNG CỘNG	6.424.417.239.026	-	5.290.511.327.802	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bán hàng liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao	91.710.693.958	73.440.265.060
Chi phí trả trước liên quan đến trái phiếu đã phát hành	16.012.877.173	14.874.932.390
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính	23.908.416.640	12.976.433.497
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.679.617.169	13.352.597.116
TỔNG CỘNG	138.311.604.940	114.644.228.063
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	331.219.933.332	47.302.743.958
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.836.762.531	14.243.097.316
TỔNG CỘNG	336.056.695.863	61.545.841.274

12. TÀI SẢN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư	23.954.604.750	4.723.954.604.750
TỔNG CỘNG	23.954.604.750	4.723.954.604.750
Dài hạn:		
Đặt cọc cho mục đích thương mại (i)	60.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	60.000.000.000	-

- (i) Khoản đặt cọc một đối tác doanh nghiệp được hưởng lãi với lãi suất được xác định theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, lãi suất được điều chỉnh ba tháng một lần. Tiền đặt cọc và lãi cọc sẽ được chuyển thành khoản thanh toán tương ứng với 10% giá trị nghiệm thu theo các hợp đồng chi tiết được ký kết và thực hiện giữa Công ty và đối tác doanh nghiệp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 5 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	45.939.641.000	158.591.909	129.887.406.125	121.213.662.296	1.305.968.182	298.505.269.512	
Mua trong kỳ	-	-	7.650.000.000	11.481.775.303	-	19.131.775.303	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(44.935.818)	-	(44.935.818)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	45.939.641.000	158.591.909	137.537.406.125	132.650.501.781	1.305.968.182	317.592.108.997	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	-	62.391.000	8.819.474.938	32.864.699.338	-	41.746.565.276	
Giá trị hao mòn:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.529.652.865	127.947.714	43.587.852.740	46.007.866.950	476.783.899	92.730.104.168	
Tăng trong kỳ	605.720.765	18.245.849	8.249.604.949	11.590.681.535	50.930.248	20.515.183.346	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(33.622.218)	-	(33.622.218)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.135.373.630	146.193.563	51.837.457.689	57.564.926.267	527.714.147	113.211.665.296	
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	43.409.988.135	30.644.195	86.299.553.385	75.205.795.346	829.184.283	205.775.165.344	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	42.804.267.370	12.398.346	85.699.948.436	75.085.575.514	778.254.035	204.380.443.701	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất/Tiền thuê đất	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.200.370.597.629	220.424.683.277	320.046.333.345	1.740.841.614.251
Xây dựng mới	1.416.642.061.832	28.596.828.259	363.108.804.502	1.808.347.694.593
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.617.012.659.461	249.021.511.536	683.155.137.847	3.549.189.308.844
Giá trị hao mòn:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	11.256.149.109	562.925.429	1.872.489.622	13.691.564.160
Tăng trong kỳ	24.628.586.510	3.205.026.121	22.792.746.213	50.626.358.844
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	35.884.735.619	3.767.951.550	24.665.235.835	64.317.923.004
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.189.114.448.520	219.861.757.848	318.173.843.723	1.727.150.050.091
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.581.127.923.842	245.253.559.986	658.489.902.012	3.484.871.385.840

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

STT	Bất động sản đầu tư	Đơn vị vận hành	Giá trị hợp lý (*)
1	Khu văn phòng	Công ty	722 tỷ đồng
2	Các Trung tâm thương mại	Công ty Vincom Retail	1.463 tỷ đồng
3	Khách sạn, sân Golf và các bất động sản khác	Công ty Vinpearl	(**)

(*) Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được xác định dựa trên báo cáo định giá dự thảo của một đơn vị định giá độc lập;

(**) Công ty chưa thu thập được đầy đủ các thông tin thị trường cần thiết để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã sử dụng các bất động sản đầu tư là các trung tâm thương mại, khách sạn v.v.. để hợp tác kinh doanh/ hợp tác đầu tư với các đối tác với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.007 tỷ VND. Theo các thỏa thuận hợp tác kinh doanh/hợp tác đầu tư đó, Công ty có quyền và/hoặc nghĩa vụ chuyển giao lại một số bất động sản đầu tư cho các đối tác tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong tương lai. Trong giai đoạn hợp tác kinh doanh/hợp tác đầu tư trước khi chuyển giao tài sản, Công ty được phân chia một phần kết quả hoạt động kinh doanh liên quan tới các bất động sản này từ đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ này, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 251 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 163 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 9,3%/năm trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền của các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Công ty.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án Vinhomes Hà Tĩnh (*)	534.493.562.890	335.014.136.105
Dự án Vincom Thanh Hóa (*)	239.476.256.819	123.873.377.402
Dự án Vincom Hùng Vương (*)	275.794.481.355	188.799.600.965
Dự án Vincom Quảng Bình	170.816.260.386	79.991.233.757
Dự án Times Garden Hạ Long	128.761.464.978	42.171.335.715
Dự án Vincom Lạng Sơn	103.666.038.299	46.830.447.487
Dự án Vincom Hà Nam	102.373.424.158	80.771.814.675
Dự án Vincom Tây Ninh	74.883.005.309	34.526.928.419
Dự án Khu đô thị sinh thái đảo Vũ Yên	898.407.643.312	913.257.317.858
Dự án Vinhomes Imperia Hải Phòng	-	892.195.922.170
Dự án Vincom Yên Bái	-	124.400.721.734
Dự án Vincom Rạch Giá – Kiên Giang	-	79.334.580.316
Dự án Vincom Tuyên Quang	-	51.024.427.860
Các dự án khác	224.797.736.097	279.854.221.936
TỔNG CỘNG	<u>2.753.469.873.603</u>	<u>3.272.046.066.399</u>

(*) Các bất động sản này đang được sử dụng cho mục đích hợp tác kinh doanh/ hợp tác đầu tư với các đối tác như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (*)	17.1	32.696.401.590.844	(116.054.039.689)	46.106.922.943.969	(88.913.079.699)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	1.753.577.500.000	-	1.584.777.500.000	(56.192.900.196)
TỔNG CỘNG		34.449.979.090.844	(116.054.039.689)	47.691.700.443.969	(145.105.979.895)

Đơn vị tính: VND

(*) Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Vingroup Retail (một công ty con của Công ty), WP Investments III B.V. ("Warburg Pincus") và Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore ("Credit Suisse") ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến khoản vay chuyển đổi và việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vingroup Retail ("các điều khoản thế chấp"), toàn bộ phần vốn góp của Công ty Vingroup Retail trong Công ty Vingroup Retail Miền Bắc và Công ty Suối Hoa (các công ty con của Công ty Vingroup Retail) đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ của Công ty theo các văn bản giao dịch và cho các nghĩa vụ của các Chủ sở hữu và Công ty liên quan đến quyền chọn bán cho các Chủ sở hữu, theo các thỏa thuận được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse. Công ty Vingroup Retail Miền Bắc là công ty nhận sáp nhập các công ty gồm Công ty VMM Times City, Công ty Vingroup Center Bà Triệu, Công ty Vingroup Center Hạ Long, Công ty BĐS Hải Phòng và Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ trục tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ trục tiếp
1	Công ty Tân Liên Phát	(i), (xx)	409.375.000	8.551.390.138.887	(**)	62,50%	311.125.000	5.849.515.138.887	(***)	47,50%
2	Công ty Nam Hà Nội	(ii)	197.800.000	5.792.493.038.618	(***)	98,90%	197.800.000	5.792.493.038.618	(***)	98,90%
3	Công ty Vincom Retail	(iii), (xix)	379.159.985	3.802.223.777.852	(***)	25,00%	820.811.068	8.231.109.514.032	(***)	54,12%
4	Công ty Hoàng Gia	(iv), (xix)	197.450.000	2.840.478.751.405	(***)	80,82%	197.450.000	2.840.478.751.405	(***)	80,82%
5	Công ty Sài Đồng	(v), (xix), (xx)	112.800.300	2.212.943.935.291	(***)	94,00%	112.800.300	2.212.943.935.291	(***)	94,00%
6	Công ty Xavince	(vi)	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	95,44%	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	95,44%
7	Công ty Thời Đại	(**)	1.561.000.000.000	(***)	100,00%	(**)	1.561.000.000.000	(***)	(***)	100,00%
8	Công ty Triển lãm Việt Nam	(***)	138.810.945	1.395.329.678.450	(***)	83,32%	138.810.945	1.395.329.678.450	(***)	83,32%
9	Công ty TNHH Hoàng Gia	(**)	1.089.006.034.344	(***)	100,00%	(**)	1.089.006.034.344	(***)	(***)	100,00%
10	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	(***)	59.400.000	785.456.000.000	(***)	99,00%	59.400.000	785.456.000.000	(***)	99,00%
11	Công ty Sách Việt Nam	(***)	44.364.274	475.165.611.800	(***)	65,33%	44.364.274	475.165.611.800	(***)	65,33%
12	Công ty VinService	(viii)	(***)	376.000.000.000	(***)	94,00%	(**)	376.000.000.000	(***)	94,00%
13	Công ty Phúc Đồng	(ix)	29.400.000	294.000.000.000	(***)	98,00%	-	-	(***)	-
14	Công ty Xây dựng Vincom 1	(x)	(***)	270.000.000.000	(***)	(*)	(*)	220.000.000.000	(***)	100,00%
15	Công ty VinAcademy	(xi)	(***)	235.000.000.000	(***)	94,00%	(**)	28.500.000.000	(***)	94,00%
16	Công ty BĐS Thăng Long	(***)	3.150.000	199.700.000.000	(***)	63,00%	3.150.000	199.700.000.000	(***)	63,00%
17	Công ty BFF	(***)	(***)	198.000.000.000	(***)	86,09%	(**)	198.000.000.000	(***)	86,09%
18	Công ty Hoa Mai	(***)	(***)	170.770.000.000	(***)	74,00%	(**)	170.770.000.000	(***)	74,00%
19	Công ty Vinschool	(***)	(**)	100.000.000.000	(***)	100,00%	(**)	100.000.000.000	(***)	100,00%
20	Công ty Vinhomes 2	(xi)	(***)	94.000.000.000	(***)	94,00%	(**)	5.640.000.000	(***)	94,00%
21	Công ty Bảo vệ Vincom	(xi)	(***)	50.000.000.000	(***)	100,00%	(**)	2.000.000.000	(***)	100,00%
22	Công ty Vinpearland	(ii)	1.287.966	44.155.614.197	(***)	0,91%	1.287.966	44.155.614.197	(***)	0,91%

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn năm giữ trực tiếp
23	Công ty Vinmec	(ii), (xii)	3.266.596	32.665.960.000	(***)	1,00%	179.490.848	1.794.908.480.000	(***)	54,95%
24	Công ty Mỹ Trí	(ii), (xiii)	834.000	26.959.050.000	(***)	1,00%	81.565.200	2.636.595.090.000	(***)	97,80%
25	Công ty Logistics Vincom	(ix)	(**)	15.000.000.000	(***)	100,00%	-	-	(***)	-
26	Công ty VinDS	(ii)	700.000	7.000.000.000	(***)	1,00%	700.000	7.000.000.000	(***)	1,00%
27	Công ty Vinfast	(ix)	(**)	6.000.000.000	(***)	100,00%	-	-	(***)	-
28	Công ty Tây Tăng Long	(vii)	(**)	635.000.000	(***)	10,00%	(**)	635.000.000	(***)	10,00%
29	Công ty Vicentra	(xiv)	-	-	-	-	175.000.000	4.529.642.075.345	(***)	63,15%
30	Công ty Vincommerce	(xv)	-	-	-	-	166.555.000	1.665.550.000.000	(***)	23,40%
31	Công ty VinEco	(v), (xvi)	-	-	-	-	(**)	1.400.490.000.000	(***)	70,00%
32	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	(xvii)	-	-	-	-	(**)	300.000.000.000	(***)	100,00%
33	Công ty Cổ phần Năng lượng Hải Linh	(xviii)	-	-	-	-	940.000	106.809.981.600	(***)	94,00%
34	Công ty Xây dựng Vincom 6	(x)	-	-	-	-	(**)	17.000.000.000	(***)	94,00%
TỔNG CỘNG				32.696.401.590.844				46.106.922.943.969		

(*) Thông tin chi tiết của các công ty con được trình bày tại Phụ lục 1.

(**) Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

(***) Do không có đủ các thông tin cần thiết, giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 9 tháng 2 năm 2017, công ty đã mua thêm 15% cổ phần của Công ty Tân Liên Phát, công ty con, từ các đối tác cá nhân.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vinmec, Công ty Vinpearlland, Công ty VinDS, Công ty Mễ Trì và Công ty Sinh Thái. Thông qua Công ty Sinh Thái, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Phú Gia, Công ty Đô thị Gia Lâm và Công ty ĐTVN.
- (iii) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 29,12% cổ phần của Công ty Vincom Retail, công ty con, cho Công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.
- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua Công ty Hoàng Gia, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát công ty Primeland.
- (v) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua Công ty Sài Đồng, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty VinEco và Công ty Công viên Trung tâm. Thông qua Công ty VinEco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty VinEco Tam Đảo, Công ty VinEco Đồng Nai, Công ty VinEco Sagri và Công ty Vạn Phát.
- (vi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua Công ty Xavinco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Xalivico.
- (vii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vinpearl và Công ty Thương mại Vinpearl thông qua Công ty Thời Đại, Công ty Nam Hà Nội, Công ty Hoàng Gia và Công ty Tân Liên Phát. Thông qua Công ty Vinpearl, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con là Công ty Hòn Một, Công ty Tây Tăng Long, Công ty Cam Ranh, Công ty Hòn Tre và Công ty Du lịch Phú Quốc.
- (viii) Trong kỳ, Công ty Xây dựng Vincom 3 được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Vincom.
- (ix) Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thành lập các công ty con này.
- (x) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6, đồng thời mua thêm 6% cổ phần Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6 từ Công ty Nam Hà Nội. Vào ngày 18 tháng 4 năm 2017, Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6 được sáp nhập vào Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1. Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1 sau đó được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Vincom.
- (xi) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.
- (xii) Vào ngày 28 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 53,95% cổ phần của Công ty Vinmec, công ty con, cho Công ty Nam Hà Nội, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.
- (xiii) Vào ngày 3 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 96,80% cổ phần của Công ty Mễ Trì, công ty con, cho Công ty Nam Hà Nội, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.
- (xiv) Vào ngày 26 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 63,15% cổ phần của Công ty Vicentra, công ty con, cho Công ty Thời Đại, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn. Thông qua công ty Thời Đại, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vicentra.
- (xv) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 23,40% cổ phần của Công ty Vincommerce, công ty con, cho công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.
- (xvi) Vào ngày 3 tháng 5 năm 2017, Công ty đã bán 70,00% cổ phần của Công ty VinEco, công ty con, cho Công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (xvii) Vào ngày 3 tháng 4 năm 2017, Công ty đã bán 45,00% cổ phần của Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1 ("Công ty Vinhomes 1") cho Công ty TNHH Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes ("Công ty Vinhomes Quản lý"). Sau đó, vào ngày 8 tháng 5 năm 2017, Công ty Vinhomes 1 được sáp nhập vào Công ty Vinhomes Quản lý.
- (xviii) Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, Công ty Cổ phần Năng lượng Hải Linh ("Công ty Năng lượng Hải Linh"), công ty con, được sáp nhập vào Công ty.
- (xix) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty Sài Đồng, Công ty Hoàng Gia và Công ty Vinpearlland, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vincom Retail. Thông qua Công ty Vincom Retail, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vincom Retail Miền Bắc, Công ty Vincom Retail Miền Nam và Công ty Suối Hoa.
- (xx) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Vincommerce thông qua Công ty Sài Đồng và Công ty Tân Liên Phát. Thông qua Công ty Vincommerce, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Metropolis Hà Nội.

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu của các công ty khác như sau (*):

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Giá trị (VND)
	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên (*)	400.000	3,87	3,87	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	50.000.000	10,00	10,00	50.000.000	10,00	10,00	552.395.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	(**)	9,62	9,62	(**)	9,62	9,62	519.232.500.000
Công ty Cổ phần Thời trang M.Y.M	6.080.000	19,00	19,00	5.700.000	19,00	19,00	60.800.000.000
Công ty Vinhomes Quản lý	(**)	16,40	16,40	(**)	12,50	12,50	608.750.000.000
TỔNG CỘNG	56.480.000			56.100.000			1.753.577.500.000
							1.584.777.500.000

(*) Do không có đủ các thông tin cần thiết, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, trừ giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Dệt may Việt Nam được xác định là 570 tỷ VND.

(**) Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	200.540.771.867	490.295.190.106
Phải trả cho người bán ngắn hạn khác	520.067.556.940	238.875.961.263
TỔNG CỘNG	<u>720.608.328.807</u>	<u>729.171.151.369</u>

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản để bán	3.582.274.026.229	1.401.829.924.191
TỔNG CỘNG	<u>3.582.274.026.229</u>	<u>1.401.829.924.191</u>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.130.369.867	105.699.239.976	(96.394.974.806)	72.434.635.037
Thuế thu nhập cá nhân	2.329.934.016	41.064.505.780	(37.623.132.590)	5.771.307.206
Thuế nhà thầu	5.552.319.718	8.567.907.778	(8.343.344.510)	5.776.882.986
Tiền sử dụng đất phải nộp	667.717.324.500	14.312.851.200	(25.438.371.000)	656.591.804.700
TỔNG CỘNG	<u>738.729.948.101</u>	<u>169.644.504.734</u>	<u>(167.799.822.906)</u>	<u>740.574.629.929</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	915.968.837.019	873.991.162.397
Trích trước chi phí xây dựng và giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	838.366.782.844	361.384.976.225
Các khoản chi phí phải trả khác	44.612.720.866	97.943.343.469
TỔNG CỘNG	<u>1.798.948.340.729</u>	<u>1.333.319.482.091</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả khác</i>	1.273.753.947.582	908.681.288.050
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	525.194.393.147	424.638.194.041

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư các dự án bất động sản	1.436.554.784.115	950.481.728.811
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	1.164.481.837.051	1.021.623.900.009
Phải trả từ chương trình quản lý thẻ VinID	399.469.328.747	159.973.084.235
Đặt cọc của đối tác để mua các khoản đầu tư của Công ty	275.000.000.000	275.000.000.000
Tiền thu từ các hợp đồng vay vốn, đặt cọc liên quan đến các dự án bất động sản	177.306.027.532	691.065.242.917
Phải trả ngắn hạn khác	205.969.239.061	131.912.102.874
TỔNG CỘNG	<u>3.658.781.216.506</u>	<u>3.230.056.058.846</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	735.500.197.022	1.160.344.031.712
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	2.923.281.019.484	2.069.712.027.134

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY

23.1 Vay ngắn hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
		Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Số phát sinh trong kỳ	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Số phát sinh trong kỳ	
Vay các bên liên quan ngắn hạn	32	8.813.731.679.790	4.779.287.747.963	(9.556.282.977.753)	4.036.736.450.000	
Vay các bên khác ngắn hạn (*)		-	2.843.620.000.000	(2.326.620.000.000)	517.000.000.000	
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.2.1, 23.2.2	3.973.682.722.225	519.631.444.444	(1.985.970.833.336)	2.507.343.333.333	
TỔNG CỘNG		12.787.414.402.015	8.142.539.192.407	(13.868.873.811.089)	7.061.079.783.333	

(*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm một khoản vay từ một đối tác doanh nghiệp với lãi suất 7%, đáo hạn ngày 24 tháng 1 năm 2018..

23.2 Vay dài hạn

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Đơn vị tính: VND
		Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Số phát sinh trong kỳ	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Số phát sinh trong kỳ	
Trái phiếu phát hành trong nước	23.2.1	16.657.021.062.547	1.018.881.028.051	(1.985.970.833.336)	15.689.931.257.262	
Vay bên liên quan dài hạn	32	2.541.450.329.867	16.711.024.014	-	2.558.161.353.881	
Khoản vay hợp vốn	23.2.2	6.611.612.859.408	25.043.015.622	(6.000.000.000)	6.630.655.875.030	
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.2.1, 23.2.2	(3.973.682.722.225)	(519.631.444.444)	1.985.970.833.336	(2.507.343.333.333)	
TỔNG CỘNG		21.836.401.529.597	541.003.623.243	(6.000.000.000)	22.371.405.152.840	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

23.2.1 Trái phiếu phát hành trong nước

Đơn vị tư vấn phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất năm
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương Trong đó	15.689.931.257.262	Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 2 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 4,5% đến 5%/năm; lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND (+) biên độ 4%/năm; lãi suất 7,75%/năm; lãi suất 8,5%/năm và lãi suất 10,50%/năm
<i>Trái phiếu phát hành đến hạn trả</i>	<i>(1.995.018.333.333)</i>		
TỔNG CỘNG	<u>13.694.912.923.929</u>		

Các trái phiếu này được đảm bảo bằng một phần của trung tâm thương mại Vincom Đồng Khởi; một số cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi một công ty con; một phần dự án Vinpearl Amusement Park và dự án khách sạn 5 sao Vinpearl Nha Trang Resort do Công ty Vinpearl, một công ty con sở hữu; và được bảo lãnh bởi quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF) thông qua thỏa thuận đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty con. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 3 năm tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán chi phí lãi của các khoản trái phiếu này (Thuyết minh số 8).

23.2.2 Khoản vay hợp vốn

Khoản vay này được cho vay bởi các bên cho vay ban đầu bao gồm Credit Suisse AG – Chi nhánh Singapore, Industrial and Commercial Bank of China, Maybank International – Chi nhánh Labuan, Taipei Fubon Commercial Bank – Chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tổng giá trị là 300 triệu đô la Mỹ, được giải ngân lần hai lần vào ngày 11 tháng 7 năm 2016 và ngày 8 tháng 9 năm 2016. Lãi suất hàng kỳ của khoản vay được xác định bằng lãi suất LIBOR kỳ hạn 3 tháng cộng với biên độ cố định 5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số cổ phiếu phổ thông của một số công ty con được nắm giữ bởi Công ty và một cá nhân khác. Tại ngày 11 tháng 1 năm 2018, Công ty phải hoàn trả 7,5% gốc vay của khoản vay hợp vốn này.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Kỳ trước					Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	18.681.880.870.000	17.279.282.355.762	26.000.000.000	1.263.785.984.183	37.250.949.209.945
- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu	716.667.640.000	1.485.854.312.538	-	-	2.202.521.952.538
- Trích quỹ khác	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.346.236.349.068	1.346.236.349.068
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu thường	2.133.799.410.000	-	-	(2.133.799.410.000)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	21.532.347.920.000	18.765.136.668.300	31.000.000.000	471.222.923.251	40.799.707.511.551
Kỳ này					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	26.377.079.540.000	13.920.405.048.300	31.000.000.000	510.040.335.377	40.838.524.923.677
- Trích quỹ khác	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.652.632.835.949	1.652.632.835.949
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	26.377.079.540.000	13.920.405.048.300	36.000.000.000	2.157.673.171.326	42.491.157.759.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**24.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.637.707.954	2.637.707.954
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.637.707.954	2.637.707.954
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.637.707.954	2.637.707.954
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	2.637.707.954	2.637.707.954
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.637.707.954	2.637.707.954
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Bao gồm số lượng cổ phiếu phổ thông đang được nắm giữ bởi các Công ty con.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

24.3 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	-	2.133.799.410.000
<i>Cổ tức cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 0 VND/cổ phiếu (cổ tức trả bằng cổ phiếu phổ thông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 1.100 VND/cổ phiếu)</i>	-	2.133.799.410.000

25. DOANH THU**25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	3.276.457.961.209	1.275.006.512.285
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	2.784.406.397.684	810.285.789.862
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con	459.529.041.455	442.756.238.340
Doanh thu từ các hoạt động khác	32.522.522.070	21.964.484.083
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	3.276.457.961.209	1.275.006.512.285
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	2.806.937.408.478	824.592.773.568
Doanh thu đối với bên liên quan	469.520.552.731	450.413.738.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU (tiếp theo)**25.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập từ cổ tức	1.585.423.153.356	1.293.137.168.640
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	790.823.857.773	1.230.089.230.923
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	6.102.039.841	216.896.700.000
Thu nhập từ nhượng quyền góp vốn	-	100.000.000.000
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	34.485.884.655	-
TỔNG CỘNG	<u>2.416.834.935.625</u>	<u>2.840.123.099.563</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	1.614.643.590.229	561.460.984.420
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con	280.208.398.640	312.864.948.995
Giá vốn các hoạt động khác	67.248.787.431	6.028.644.506
TỔNG CỘNG	<u>1.962.100.776.300</u>	<u>880.354.577.921</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	1.420.271.492.859	1.566.717.076.756
Thay đổi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(29.740.008.206)	100.103.492.213
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.972.827.172	-
Chi phí tài chính khác	306.206.657.074	6.041.633.197
TỔNG CỘNG	<u>1.698.710.968.899</u>	<u>1.672.862.202.166</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
- Chi phí hoa hồng môi giới và tư vấn bán hàng	153.798.412.555	59.170.536.387
- Chi phí quảng cáo	54.433.654.467	9.675.599.017
- Chi phí bán hàng khác	13.626.843.105	3.053.211.005
	221.858.910.127	71.899.346.409
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí từ thiện	60.148.054.071	97.195.614.166
- Trích lập các khoản dự phòng	17.446.356.172	16.724.235.596
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	-	17.230.901.016
	77.594.410.243	131.150.750.778
TỔNG CỘNG	299.453.320.370	203.050.097.187

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	4.591.857.083	3.974.164.699
Phạt vi phạm hợp đồng	3.253.282.011	2.383.277.956
Thu nhập khác	1.338.575.072	1.590.886.743
Chi phí khác	(1.322.953.188)	(751.975.257)
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính	(1.175.232.705)	-
Chi phí khác	(147.720.483)	(751.975.257)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.268.903.895	3.222.189.442

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí phát triển bất động sản để bán	3.497.723.025.765	758.193.157.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.840.699.588	194.832.385.795
Chi phí nhân công	156.155.702.628	155.402.279.106
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	84.319.693.982	21.211.526.874
Chi phí khác	184.201.552.024	150.497.498.913
TỔNG CỘNG	4.251.240.673.987	1.280.136.848.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty trong kỳ là 20% lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh số 31.2)	94.767.256.833	16.319.667.197
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(11.103.357.622)	(471.092.249)
TỔNG CỘNG	83.663.899.211	15.848.574.948

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.736.296.735.160	1.362.084.924.016
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	347.259.347.032	272.416.984.803
<i>Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành:</i>		
Lỗi hoạt động khác không được cân trừ	45.418.549.581	-
Chi phí từ thiện và hỗ trợ	8.212.590.505	17.195.265.414
Cổ tức được chia	(317.084.630.671)	(258.627.433.728)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(15.228.940.108)
Các khoản điều chỉnh khác	(141.957.236)	92.698.567
Chi phí thuế TNDN	83.663.899.211	15.848.574.948

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

► Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, phí thương hiệu và bán điện nước đã phải thu	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, phí thương hiệu và bán điện nước đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(617.931.749)	513.510.320	96.073.244.177	-	
Công ty VinService	Công ty con	(44.776.926.614)	70.969.386.027	7.028.101	(85.150.906)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(501.334.604.660)	452.098.589.844	11.391.686.572	(56.095.416.665)	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(6.187.060.103)	5.932.178.791	80.906.683.152	2.000.000	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(603.170.679)	4.908.040.679	51.218.177.486	(48.483.383.618)	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(76.373.021.887)	382.736.480.103	3.923.205	(3.923.205)	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	141.961.833.130	-	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(74.597.910.468)	89.740.695.996	2.270.453.371	(1.170.857.035)	
Các công ty con khác	Công ty con	(16.605.095.135)	15.760.302.560	81.373.299.558	(15.776.080.167)	

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản phải trả	Thanh toán phải trả mua tài sản	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(581.383.035.637)	489.668.440.315	467.139.860	(184.327.562)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(103.877.394.532)	58.213.843.442	7.686.971.211	(527.828.346)	
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	(183.822.415.768)	90.769.910.224	235.045.878	(236.178.028)	
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	(4.871.050.000)	4.408.050.000	85.885.704.799	(7.584.747.506)	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	220.499.584.288	(65.624.988)	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(70.536.010)	-	49.442.409.833	(31.023.081.222)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	4.386.006.520.000	(4.033.661.008.000)	(6.408.829.200)	6.408.829.200	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	7.482.225.830.000	(5.432.715.000.000)	(3.408.829.200)	3.408.829.200	
Công ty Thời Đại	Công ty con	4.550.000.000.000	(4.550.000.000.000)	-	-	

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND Nhận chuyển nhượng cổ phần
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	(810.176.525.000)
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(501.000.000.000)

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Chuyển nhượng khoản đầu tư	Nhận đặt cọc cho mục đích hợp tác đầu tư	Cổ tức phải thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	2.701.875.000.000	-	-	-	1.455.892.858.219
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	-	(135.000.000.000)	-	-	-
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	88.360.000.000	-	-	-	-
Công ty Mê Trì	Công ty con	-	(2.609.636.040.000)	-	-	-
Công ty Vicentra	Công ty con	-	(4.529.642.075.345)	-	-	-
Công ty Phúc đồng	Công ty con	294.000.000.000	-	-	-	-
Công ty VinEco	Công ty con	-	(1.400.490.000.000)	-	-	-
Công ty Vinmec	Công ty con	-	(1.762.242.520.000)	-	-	-
Công ty VinAcademy	Công ty con	206.500.000.000	-	-	-	-
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	48.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	-	(1.665.550.000.000)	-	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	-	-	(363.998.535.980)	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	-	-	(122.074.519.324)	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	(4.428.885.736.180)	-	-	128.811.975.137

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn/Mua cổ phần	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đơn vị tính: VND
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	(939.964.899.900)	Thu hồi tiền đặt cọc/Nhận đặt cọc (77.535.805.847)
Công ty Vinhomes Quận lý	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	-	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	194.000.000.000	136.607.638.640	(136.607.638.640)	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	512.156.250.000	(255.000.000.000)	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	-
Công ty VinEco	Công ty con	-	340.000.000.000	(340.000.000.000)	5.000.000.000.000
Công ty VinService	Công ty con	906.890.000.000	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	78.000.000.000	-	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	1.254.223.150.000	-	-	-
Công ty Sách Việt Nam	Công ty con	475.165.611.800	-	-	87.500.000.000
					-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	-	-	-	118.837.083.333
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	2.421.450.550.000	(250.000.000.000)	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	20.000.000.000	-	(85.000.000.000)	1.755.000.000.000
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.176.000.000.000	(1.090.000.000.000)	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	8.364.000.000.000	(1.610.000.000.000)	-	-
Công ty Xalivico	Công ty con	-	-	-	235.000.000.000
Công ty Hoa Mai	Công ty con	-	-	-	140.855.000.000
Công ty Mê Trì	Công ty con	4.229.000.000.000	(2.750.333.472.222)	-	-
Công ty Vicentra	Công ty con	-	(90.000.000.000)	(150.000.000.000)	-
Công ty Công viên Trung tâm	Công ty con	-	-	(95.000.000.000)	95.000.000.000
Công ty Phú Gia	Công ty con	-	-	(293.900.000.000)	390.000.000.000
Công ty Phúc Đồng	Công ty con	-	-	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	1.040.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	671.600.000.000	-	-	-

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ **Giao dịch vay và cho vay** (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay	Đơn vị tính: VND
Công ty VinEco	Công ty con	925.000.000.000	(535.000.000.000)	-	-	-
Công ty Vinmec	Công ty con	1.126.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinschool	Công ty con	169.374.361.112	(169.374.361.112)	(220.000.000.000)	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Vincommerce	Công ty con	1.605.000.000.000	(156.207.694.445)	-	-	-
Công ty VinDS	Công ty con	190.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	-	632.000.000.000	632.000.000.000
Công ty Vinpearl	Công ty con	230.084.937.636	(230.084.937.636)	(3.194.387.747.963)	1.856.590.894.420	1.856.590.894.420
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	-	-	(70.000.000.000)	140.000.000.000	140.000.000.000
Công ty TNHH Vinpearl Cần Thơ	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	-	-	1.891.000.000.000	1.891.000.000.000
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	(1.063.170.400.000)	-	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	-	(1.600.000.000.000)	-	-	-
Công ty Sinh Thái	Công ty con	-	-	(679.000.000.000)	2.064.000.000.000	2.064.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND
					Thanh toán gốc vay
Công ty Vinpearlland	Công ty con	220.000.000.000	(172.000.000.000)	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	788.000.000.000	(1.038.982.065.481)	-	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	326.000.000.000	(50.000.000.000)	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	1.920.000.000.000	(2.143.281.916.666)	(4.715.000.000.000)	2.904.000.000.000
Công ty Vinpearl	Công ty con	194.744.825.963	(101.676.332.388)	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	369.518.038.507	(874.156.105.150)	(1.874.435.902.775)	2.033.834.802.775
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	200.000.000.000	(3.733.409.209.904)	-	-
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	160.000.000.000	(290.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	(177.000.000.000)	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	45.000.000.000	(79.000.000.000)	-	-
Công ty Vinschool	Công ty con	113.000.000.000	(113.000.000.000)	(77.000.000.000)	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	-	(50.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	-	(138.700.000.000)	-	-
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	118.000.000.000	(118.000.000.000)	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	3.347.000.000.000	(4.997.998.900.000)	-	-
Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	-	(50.000.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► **Giao dịch vay và cho vay (tiếp theo)**

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND
Công ty VinDS	Công ty con	99.000.000.000	-	-	315.800.000.000
Công ty Vinmec	Công ty con	1.539.601.666.666	-	-	1.870.000.000.000
Công ty VinEco	Công ty con	(107.000.000.000)	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	213.170.400.000	(1.404.941.666.667)	3.170.000.000.000	-
Công ty Ngôi Sao Phương Nam	Công ty con	-	-	-	599.000.000.000
Công ty Ngôi sao xanh	Công ty con đến ngày 28 tháng 6 năm 2016	-	-	(130.000.000.000)	130.000.000.000
Công ty Vinhomes Quản lý	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	-	-	(194.000.000.000)	699.000.000.000
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	(900.000.000.000)	2.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Hồng Ngân	Công ty con đến ngày 1 tháng 4 năm 2016	-	-	(1.083.000.000.000)	2.260.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết đến ngày 14 tháng 6 năm 2016	-	-	-	424.700.000.000
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	-	(1.660.000.000.000)	2.910.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	Công ty con đến ngày 3 tháng 5 năm 2017	-	(345.000.000.000)	-	180.000.000.000
Công ty VinService	Công ty con	-	-	-	125.000.000.000
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	(1.232.000.000.000)	3.585.340.818.626	-
Công ty VinEco Tam Đảo	Công ty con	-	(90.000.000.000)	-	-
Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	-	(140.000.000.000)	53.000.000.000
Công ty Mỹ Trí	Công ty con	-	-	(500.000.000.000)	6.000.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch thu và trả lãi vay

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay đã thu	Lãi vay/ Lãi đặt cọc phải trả	Lãi vay/ Lãi đặt cọc đã trả	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	147.546.273.061	-	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	46.338.683.413	-	-	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	137.799.277.776	-	-	-	-
Công ty Mỹ Trì	Công ty con	52.524.043.436	(6.666.527.778)	-	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	94.250.092.547	(8.698.717.566)	-	-	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	134.574.739.402	(2.827.314.401)	(18.214.781.483)	6.982.622.206	-
Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	80.888.889	(62.033.511.112)	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vinpearl Hạ Long	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	147.350.000	(69.713.913.889)	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	19.004.170.899	(30.479.810.101)	(170.827.800.000)	86.829.600.000	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	-	-	(3.706.774.273)	75.219.090.371	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	38.133.333.333	(64.788.888.888)	(20.715.633.617)	18.347.033.799	-
Công ty Sinh Thái	Công ty con	-	-	(81.060.194.444)	-	-
Các công ty con khác	Công ty con	62.066.361.120	(7.671.027.776)	(17.781.103.957)	54.388.288.478	-

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay/lãi đặt cọc phải trả	Lãi vay/ Lãi đặt cọc đã trả	Lãi vay đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Vincom Retail	Công ty con	519.020.160.448	(224.104.779.243)	172.715.400.000	(979.312.475.782)	-
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	-	(43.300.372.262)	57.312.398.656	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	3.934.372.358	(72.646.654.676)	48.675.488.749	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	84.559.200.750	-	-	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	105.799.361.111	(6.754.287.856)	6.754.287.856	(109.123.500.003)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ **Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung**

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(829.525.264.991)	843.086.792.762	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(2.266.906.840.284)	2.273.972.611.301	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(3.371.245.933.075)	3.314.838.774.043	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(1.918.993.796.723)	1.898.885.309.693	
Công ty Xavinco	Công ty con	(65.969.737.415)	70.189.961.278	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	(2.236.326.852.357)	2.141.524.491.988	
Công ty VinService	Công ty con	(311.263.013.374)	285.928.983.850	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	(212.043.040.825)	295.102.761.266	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(308.663.247.055)	244.903.291.821	
Công ty Thời Đại	Công ty con	(3.040.836.761.414)	2.993.107.505.551	
Công ty Vinpearlland	Công ty con	(267.332.937.844)	263.060.040.714	
Công ty VinAcademy	Công ty con	(299.124.716.572)	302.200.620.796	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(210.253.978.033)	238.824.687.017	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(7.946.646.681.930)	8.009.010.613.845	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(5.783.222.887.684)	5.686.594.301.747	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearlland	Công ty con	(69.505.328.441)	67.309.413.913	
Công ty Xavinco	Công ty con	(43.505.447.018)	57.438.962.370	
Công ty Vinmec	Công ty con	(327.251.108.110)	325.318.690.032	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(599.458.034.267)	802.591.649.939	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	(448.334.464.561)	463.420.680.019	
Công ty TNHH Bất động sản Hồng Ngân	Công ty con đến ngày 1 tháng 4 năm 2016	(228.049.008.849)	237.978.840.288	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(5.695.751.002.479)	5.753.571.672.388	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(141.909.280.210)	170.718.131.695	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	(1.207.221.633.426)	1.216.032.719.720	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(368.212.527.668)	311.954.053.559	
Công ty Vinschool	Công ty con	(356.809.703.908)	369.263.620.873	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(1.656.714.056.978)	1.623.987.612.356	
Công ty VinService	Công ty con	(384.221.096.014)	478.544.354.947	
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	(2.142.786.467.286)	2.079.443.026.739	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2017	(2.721.050.784.624)	2.697.127.557.869	
Công ty Vinhomes Quản lý	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	(194.639.328.015)	247.583.465.464	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(766.711.407.027)	765.468.924.804	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(1.778.396.446.908)	1.744.198.656.734	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(269.057.806.943)	624.465.146.362	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Giao dịch với các công ty con liên quan đến chương trình quản lý thẻ VinID:

Công ty	Mối quan hệ	Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	Thu tiền từ chương trình quản lý thẻ VinID	Phải trả từ chương trình quản lý thẻ VinID	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinmec	Công ty con	30.992.195.648	(20.469.049.059)	(7.945.308.000)	
Công ty Vinschool	Công ty con	42.094.649.000	(6.631.592.000)	(9.611.514.000)	
Công ty VinDS	Công ty con	11.240.089.000	(928.085.000)	(12.815.756.000)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	249.971.592.826	-	(413.938.143.000)	

▶ Giao dịch với quỹ Thiện Tâm

Giao dịch

Nhận tiền hoàn lại từ Quỹ Thiện Tâm
Ứng trước tiền từ thiện cho Quỹ Thiện Tâm

Đơn vị tính: VND	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	-	428.500.000.000
	245.000.000.000	534.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã cung cấp các khoản vay cho các bên liên quan với lãi suất từ 7%/năm đến 16,47%/năm và nhận các khoản vay từ các bên liên quan với lãi suất từ 6%/năm tới 13%/năm. Các khoản cho vay và vay này không có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ.

Trong kỳ, Công ty đã cung cấp dịch vụ quản lý và các dịch vụ khác cho các công ty con. Theo đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu quản lý khi phân bổ lại các chi phí hoạt động phát sinh trên cơ sở quy mô và kết quả hoạt động của các công ty con. Ngoài ra, Công ty cũng phát sinh một số giao dịch thu hộ/chi hộ cho các công ty con.

Trong kỳ, Công ty cũng đã tính phí sử dụng thương hiệu Vinhomes cho các công ty con. Theo đó, Công ty sẽ tính phí dựa trên doanh thu thuần thực tế từ hoạt động kinh doanh bất động sản của các công ty con sử dụng thương hiệu Vinhomes.

Trong kỳ, Công ty đã ký kết các thỏa thuận hợp tác với một số công ty con liên quan đến việc các công ty con này được quyền sử dụng, vận hành và đưa vào kinh doanh các trung tâm thương mại do Công ty là chủ đầu tư, và Công ty sẽ nhận được 15% lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh cho thuê trung tâm thương mại như đã trình bày trong Thuyết minh số 14.

Trong kỳ, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện theo định kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

▶ Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6.1)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Phí quản lý phải thu	241.029.802.452	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư vào công ty con	352.345.512.000	144.956.558.275
		Phí quản lý phải thu	26.812.401.198	24.077.607.330
		Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư vào công ty con	2.049.510.830.000	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phí quản lý phải thu	47.448.006.836	46.344.170.635
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Phí quản lý phải thu	345.760.045.934	203.798.212.804
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	Phí quản lý phải thu	-	13.225.190.959
Công ty Mễ Trì	Công ty con	Phí quản lý phải thu	25.097.149.825	-
Công ty Vinpearliland	Công ty con	Phí quản lý phải thu	14.458.496.174	1.134.534.951
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lợi nhuận được chia phải thu	25.300.757.988	-
		Phí quản lý phải thu	58.237.924.422	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Phí quản lý phải thu	14.065.596.318	16.776.590.827
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Lợi nhuận được chia phải thu	17.028.681.326	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	Phí quản lý phải thu	1.829.347.696	33.350.724.127
		Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	1.676.505.000	100.500.286.523
		Phải thu khác	-	12.503.153.662
Công ty Vicentra	Công ty con	Phí quản lý phải thu	8.735.605.815	-
Công ty Vinmec	Công ty con	Phí quản lý phải thu	17.677.909.153	9.732.868.288
		Phải thu khác	6.299.474.506	13.737.054.846
Các công ty khác	Công ty con	Phí quản lý phải thu	19.202.561.126	3.111.728.940
		Phải thu khác	23.558.423.414	22.806.499.964
			3.296.075.031.183	646.055.182.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Trả trước cho người bán	24.305.550.370	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	Trả trước cho người bán	29.933.447.741	31.452.284.200
Quý thiện tâm	Tổ chức cùng chủ sở hữu	Tạm ứng	245.000.000.000	-
Các công ty khác	Công ty con	Trả trước cho người bán	159.640.000	929.501.600
			299.398.638.111	32.381.785.800

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 31 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Lãi phải thu	300.524.652.132	152.978.379.071
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phải thu thanh toán hộ các bên liên quan	3.476.687.313	83.609.221.017
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi phải thu	95.238.058.414	48.899.375.001
		Lãi phải thu	137.799.277.776	-
		Phải thu từ cổ tức	1.562.500.000.000	-
		Phải thu từ cổ tức	128.811.975.137	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi phải thu	-	15.243.333.334
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Lãi phải thu	45.857.515.658	-
Công ty Mễ Trì	Công ty con	Lãi phải thu	169.913.548.247	130.621.372.244
Công ty Vinpearland	Công ty con	Lãi phải thu	27.961.990.137	2.807.490.130
Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi phải thu	40.906.494.000	5.651.702.000
Công ty Vinschool	Công ty con	Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	105.890.026.040	20.338.651.059
Công ty Vincommerce	Công ty con	Lãi phải thu	29.167.849.856	21.140.106.077
		Phải thu thanh toán hộ các bên liên quan	131.413.993.000	69.556.576.064
		Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	19.031.444.446	6.707.944.445
Công ty VinDS	Công ty con	Lãi phải thu	14.593.215.636	3.703.688.270
		Phải thu khác	132.458.197.745	137.542.213.885
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lãi phải thu	34.986.148.947	3.778.017.838
		Phải thu thanh toán hộ các bên liên quan	-	26.655.555.555
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Lãi phải thu	14.666.887.834	4.530.752.386
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Phải thu thanh toán hộ các bên liên quan	30.013.229.936	5.871.261.420
Các công ty khác	Công ty con	Phải thu từ chương trình quản lý thẻ VinID	25.688.473.559	7.606.312.552
		Lãi phải thu	51.172.000.358	31.464.076.597
		Phải thu khác	6.187.912.617	6.813.222.809
			3.108.259.578.788	785.519.251.754

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	295.129.385.824	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	6.000.000.000	
Công ty VinService	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	1.678.667.183	27.871.126.596	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	11.291.397.679	25.454.058.904	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	176.801.049.965	127.347.934.199	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	3.831.448.500	2.560.299.000	
Các công ty khác	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	6.938.208.540	5.932.385.583	
			200.540.771.867	490.295.190.106	

▶ Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 21)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND
Công ty Xalivico	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	20.860.000.000	
Công ty Hoa Mai	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	11.918.388.608	
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	157.040.680.270	115.036.291.726	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lãi vay phải trả	23.754.194.446	88.201.835	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải trả	249.315.636.018	165.317.436.018	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Lãi đặt cọc phải trả	-	71.512.316.098	
Công ty Sinh Thái	Công ty con	Lãi vay phải trả	83.257.416.666	2.197.222.222	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Lãi vay phải trả	906.165.928	12.679.846.970	
Các công ty khác	Công ty con	Lãi vay phải trả	10.920.299.819	25.028.490.564	
			525.194.393.147	424.638.194.041	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	78.979.616.559	22.572.457.527	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	22.267.613.976	2.159.126.946	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	410.745.159.805	315.942.799.436	
Công ty Thời Đại	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	47.729.255.863	-	
Công ty Vinschool	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	14.142.917.378	13.144.769.167	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	127.554.481.075	189.918.412.990	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	192.792.591.000	34.636.276.001	
		Tiền quản lý tập trung phải trả	210.242.973.772	113.614.387.835	
		Phải trả khác	50.374.180.718	-	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Đặt cọc theo hợp đồng BCC	805.372.380.693	683.297.861.369	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Đặt cọc theo hợp đồng BCC	631.182.403.422	267.183.867.442	
Các công ty khác	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	252.819.818.623	364.271.946.108	
		Tiền quản lý tập trung phải trả	23.964.195.939	3.481.725.000	
		Phải trả khác	55.113.430.661	59.488.397.313	
			2.923.281.019.484	2.069.712.027.134	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay

► Phải thu ngắn hạn về cho vay (Thuyết minh số 7)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
		VND		
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	6.754.000.000.000	7%	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2018 đến ngày 22 tháng 6 năm 2018
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.336.609.000.000	7%	Từ ngày 16 tháng 9 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty con	55.204.181.818	7%	Ngày 2 tháng 12 năm 2017
Công ty Vinpearliland	Công ty con	1.468.608.000.000	7%	Từ ngày 8 tháng 12 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2018
Công ty VinDS	Công ty con	498.000.000.000	7%	Từ ngày 29 tháng 10 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	4.939.885.725.899	7%	Từ ngày 8 tháng 9 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Vinmec	Công ty con	1.380.000.000.000	7%	Từ ngày 28 tháng 10 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018
Công ty Thời Đại	Công ty con	1.274.045.833.333	7%	Từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 3 tháng 4 năm 2018
Công ty Mê Tr	Công ty con	1.478.666.527.778	7%	Từ ngày 10 tháng 3 năm 2018 đến ngày 24 tháng 5 năm 2018
Công ty VinEco	Công ty con	794.000.000.000	7%	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2018 đến ngày 19 tháng 6 năm 2018
Công ty Vineco Tam Đảo	Công ty con	14.000.000.000	7%	Ngày 19 tháng 6 năm 2018
Công ty Sài Đồng	Công ty con	20.000.000.000	7%	Ngày 26 tháng 5 năm 2018
Công ty Vincommerce	Công ty con	3.193.000.000.000	7%	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2017 đến ngày 25 tháng 4 năm 2018
		23.206.019.268.828		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Các khoản cho vay ngắn hạn				
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	2.768.435.175.899	7,00%	Từ ngày 8 tháng 3 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.250.609.000.000	7,00%	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2017 đến ngày 28 tháng 6 năm 2017
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty con	55.204.181.818	7,00%	Ngày 2 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinhomes 1	Công ty con đến ngày 8 tháng 5 năm 2017	989.000.000.000	7,00%	Từ ngày 15 tháng 3 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty Vicentra	Công ty con	90.000.000.000	7,00%	Ngày 9 tháng 6 năm 2017
Công ty Năng lượng Hải Linh	Công ty con đến ngày 15 tháng 2 năm 2017	21.455.024.986	7,00%	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2017
Công ty Thời Đại	Công ty con	274.045.833.333	7,00%	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinpearland	Công ty con	797.008.000.000	7,00%	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty Vineco	Công ty con	404.000.000.000	7,00%	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2017 đến ngày 31 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinmec	Công ty con	254.000.000.000	7,00%	Từ ngày 28 tháng 4 năm 2017 đến ngày 9 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinccommerce	Công ty con	1.744.207.694.445	7,00%	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty VINDS	Công ty con	308.000.000.000	7,00%	Từ ngày 3 tháng 3 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	208.000.000.000	7,00%	Từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty con	294.700.000.000	9,00%	Ngày 31 tháng 3 năm 2017
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty liên kết đến ngày 31 tháng 3 năm 2017	335.389.000.000	7,00%	Từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 2 tháng 6 năm 2017
		9.794.053.910.481		
Cho vay dài hạn đến hạn thu hồi				
Công ty Hòn Một	Công ty con	39.000.000.000	10,00%	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2017 đến ngày 5 tháng 10 năm 2017
		39.000.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

► Phải thu dài hạn về cho vay (Thuyết minh số 7)

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Công ty Vincom Retail	Công ty con	VND 1.063.170.400.000	%/năm 16,47%	Ngày 6 tháng 5 năm 2018
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	1.600.000.000.000	13,00%	Ngày 14 tháng 2 năm 2019
Công ty Hòn Một	Công ty con	41.200.000.000	10,00%	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2017 đến ngày 10 tháng 8 năm 2018
		2.704.370.400.000		

32.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan

► Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Lãi suất	Ngày đáo hạn
Công ty VEFAC	Công ty con	VND 888.836.450.000	6,00%	Ngày 29 tháng 1 năm 2018
Công ty Vinpearl	Công ty con	1.489.000.000.000	7,00%	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2017 đến ngày 15 tháng 12 năm 2017
Công ty BFF	Công ty con	120.000.000.000	7,00%	Ngày 1 tháng 1 năm 2018
Công ty Sinh Thái	Công ty con	875.000.000.000	7,00%	Từ ngày 27 tháng 12 năm 2017 đến ngày 27 tháng 2 năm 2018
Công ty Vinschool	Công ty con	220.000.000.000	7,00%	Từ ngày 31 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018
Công ty Phúc Đồng	Công ty con	293.900.000.000	7,00%	Ngày 18 tháng 5 năm 2018
Công ty Vicentra	Công ty con	150.000.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
		4.036.736.450.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

32.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► **Vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Xalivico	Công ty con	235.000.000.000	7,00%	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2017 đến ngày 2 tháng 6 năm 2017
Công ty VEFAC	Công ty con	1.520.836.450.000	6,00%	Từ ngày 29 tháng 1 năm 2017 đến ngày 4 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	38.000.000.000	10,00%	Từ ngày 31 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 5 năm 2017
Công ty Hoa Mai	Công ty con	140.855.000.000	7,00%	Ngày 4 tháng 6 năm 2017
Công ty Xây Dựng Vincom 1	Công ty con	118.837.083.333	7,00%	Từ ngày 19 tháng 4 năm 2017 đến ngày 29 tháng 4 năm 2017
Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	Công ty con đến ngày tháng 5 năm 2017	18.000.000.000	7,00%	Ngày 23 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinschool	Công ty con	60.000.000.000	7,00%	Từ ngày 7 tháng 6 năm 2017 đến ngày 19 tháng 6 năm 2017
Công ty BFF	Công ty con	140.000.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty con đến ngày 3 tháng 1 năm 2017	70.000.000.000	7,00%	Ngày 15 tháng 6 năm 2017
Công ty Sài Đồng	Công ty con	1.670.000.000.000	7,00%	Từ ngày 23 tháng 6 năm 2017 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty Cần Giờ	Công ty con	1.891.000.000.000	7,00%	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2017 đến ngày 27 tháng 6 năm 2017
Công ty VinService	Công ty con	40.000.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinpearl	Công ty con	151.203.146.457	7,00%	Ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty Sinh Thái	Công ty con	2.260.000.000.000	7,00%	Ngày 27 tháng 6 năm 2017
Công ty Du Lịch Phú Quốc	Công ty con	70.000.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Phú Gia	Công ty con	390.000.000.000	7,00%	Ngày 23 tháng 6 năm 2017
		8.813.731.679.790		

THUYẾT MINH BÁC CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
32.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► **Vay dài hạn** (Thuyết minh số 23.2)

Chi tiết các khoản đi vay dài hạn không có tài sản đảm bảo gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.558.161.353.881	2.541.450.329.867	13,00%	Ngày 12 tháng 1 năm 2019
		2.558.161.353.881	2.541.450.329.867		

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND
Lương và thưởng	10.156.060.383
TỔNG CỘNG	10.139.277.569

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
			Số tiền	%	Số tiền	Số tiền
			VND	VND	VND	VND
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10,00	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty Logistic Vincom	100.000.000.000	100.000.000.000	94,00	6.000.000.000	108.090.000.000
3	Công ty Vinfast	500.000.000.000	30.000.000.000	94,00	6.000.000.000	88.360.000.000
		900.000.000.000	160.000.000.000		12.635.000.000	225.815.000.000

Cam kết thuê hoạt động

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động, chủ yếu là thuê đất, với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	18.692.860.224	18.353.807.399
Trên 1 – 5 năm	76.639.900.066	74.660.869.043
Trên 5 năm	765.101.306.560	764.731.735.311
TỔNG CỘNG	860.434.066.850	857.746.411.753

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 ước tính là 9.205 tỷ VND.

Theo Hợp đồng xây dựng – chuyển giao số 2101/2016/HĐBT ký ngày 11 tháng 1 năm 2016 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và Công ty, tổng giá trị đầu tư ước tính còn phải thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng 5.000 chỗ thuộc Trung tâm Thể thao vùng Đông Bắc tại Quảng Ninh theo hình thức hợp đồng BT là 880 tỷ VND.

Theo Hợp đồng xây dựng – chuyển giao số 01/2016/HĐBT ký ngày 10 tháng 5 năm 2016 giữa UBND thành phố Thanh Hóa và Công ty, tổng giá trị đầu tư ước tính còn phải thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của dự án khu trung tâm hành chính mới thành phố Thanh Hóa theo hình thức hợp đồng BT là 655 tỷ VND.

Theo Hợp đồng xây dựng – chuyển giao số 01/2016/HĐBT ký ngày 23 tháng 6 năm 2016 giữa Sở Giao thông vận tải Hà Nội – cơ quan Nhà nước được UBND Thành phố Hà Nội ủy quyền làm đại diện và Công ty, tổng giá trị đầu tư ước tính còn phải thực hiện tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở theo hình thức hợp đồng BT là 5.451 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Công ty cam kết bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tổng số tiền là 351,8 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản cam kết còn lại phải trả là 71,5 tỷ VND.

Cam kết khác

Trong năm 2017, Công ty cam kết tạm ứng cho Công ty Tân Liên Phát các chi phí xây dựng theo thỏa thuận giữa Công ty Tân Liên Phát với Công ty Vinmec và Công ty Vinschool liên quan đến dự án Vinmec Tân Cảng và Vinschool Tân Cảng.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty còn có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sau:

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 74% cổ phần của Công ty Hoa Mai, công ty con, cho một đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí là 336 tỷ VND.

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 40% cổ phần của Công ty Hoàng Gia, công ty con, cho Công ty Công viên Trung tâm, công ty con khác trong cùng Tập đoàn, với tổng giá phí là 1.407 tỷ VND.

Vào ngày 3 tháng 7 năm 2017, Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng mệnh giá là 3.600 tỷ VND, đáo hạn vào năm 2019, chịu lãi suất trong năm đầu tiên là 10,25% và 10,3%, các năm tiếp theo lãi suất được xác định bằng lãi suất biên 4% - 4,25% và lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (lãi trả sau) kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận đặt cọc 1.600 tỷ VND từ công ty Vincom Retail, công ty con, cho mục đích hợp tác đầu tư phát triển dự án bất động sản.

Trong tháng 7 năm 2017, Công ty đã đặt cọc 4.500 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp nhằm mục đích hợp tác phát triển một dự án bất động sản tiềm năng.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng mua 6.000.000 trái phiếu do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phát hành từ một đơn vị đối tác với tổng giá chuyển nhượng là 1.023 tỷ VND.

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2017, công ty Vinfast, công ty con, đã tăng vốn điều lệ lên 5.250 tỷ VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Hồng Ánh
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

S TT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	100,00	97,53	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	Công ty Vincom Retail Miền Nam	100,00	97,53	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	100,00	97,53	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	97,83	95,42	Km1 + 200, đường Trần Hưng Đạo, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00	100,00	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Kinh doanh bất động sản
7	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vincom	Công ty Xây dựng Vincom 1	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
8	Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp Vincom	Công ty VinService	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Cung cấp các dịch vụ Công nghệ thông tin, kỹ thuật, vệ sinh, cảnh quan môi trường, vận chuyển.



Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ		Trụ sở chính	Hoạt động chính
			biểu quyết (%)	lợi ích (%)		
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	97,85	97,85	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	98,90	98,90	Số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00	94,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	Công ty Xavinco	96,44	96,42	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	95,00	95,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
14	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00	71,35	233 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
15	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	83,32	83,32	148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	100,00	99,99	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty TNHH Kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	Công ty Hoa Mai	74,00	74,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty Cổ phần Phát triển thể thao và giải trí Mễ Trì	Công ty Mễ Trì	100,00	98,86	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	Công ty Metropolis Hà Nội	100,00	53,43	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
20	Công ty Cổ phần sách Việt Nam	Công ty Sách Việt Nam	65,33	65,33	Số 44 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Xuất bản sách
21	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thành phố Hoàng Gia	Công ty TNHH Hoàng Gia	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh bất động sản
22	Công ty Cổ phần Đô thị Du lịch Cần Giờ	Công ty Cần Giờ	99,05	94,10	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Thương Mại thành phố Hồ Chí Minh	Công ty Vicentra	63,15	63,15	72 Lê Thánh Tôn - phường Bến Nghé - quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung tâm	Công ty Công viên Trung tâm	100,00	94,00	P900, tầng 9, tòa nhà IPH, số 241 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sinh Thái	Công ty Sinh Thái	100,00	98,85	Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Đô Thị Gia Lâm	Công ty Đô thị Gia Lâm	85,00	84,02	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Phú Gia	Công ty Phú Gia	98,00	96,87	63 phố Hàng Gà, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
28	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đầu tư Việt Nam	Công ty ĐTVN	50,00	49,42	Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
29	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	Công ty BĐS Thăng Long	63,00	63,00	Số 13 Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
30	Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty Vinpearl	100,00	96,73	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
31	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương mại Vinpearl	Công ty Thương mại Vinpearl	100,00	97,27	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
32	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	90,00	88,04	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bén Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
33	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00	87,06	16 Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63	80,90	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
35	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00	87,06	Số 42/2 Đồng Nai, phường Phước Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
36	Công ty Cổ phần VinpearlLand	Công ty VinpearlLand	100,00	98,86	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
37	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96	86,94	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bén Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
38	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Công ty Vincommerce	56,44	53,43	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
39	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty VinDS	100,00	98,91	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
40	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00	98,91	Số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
41	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Cung cấp dịch vụ giáo dục
42	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Cung cấp dịch vụ giáo dục
43	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Công ty Bảo vệ Vincom	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
44	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Phát triển Nông nghiệp VinEco	Công ty VinEco Tam Đảo	100,00	95,47	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
45	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Phát triển Nông nghiệp VinEco-Tam Đảo	Công ty VinEco Tam Đảo	89,02	84,99	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
46	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai-VinEco	Công ty VinEco Đồng Nai	77,50	73,99	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
47	Công ty TNHH Nông nghiệp VINECO SAGRI	Công ty VinEco Sagri	64,00	61,10	Số 38 Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
48	Công ty Cổ phần Du lịch và Thủy sản Vạn Phát	Công ty Vạn Phát	90,00	85,93	Thôn Đưng K'Si, xã Đa Chais, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
49	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Phúc đồng	Công ty Phúc Đồng	98,00	98,00	Tầng 1, sảnh A, tòa E3, khu nhà ở xã hội Ecohome1, phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
50	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Prime Land	Công ty Prime Land	100,00	98,45	Thôn Yên Nhân, xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
51	Công ty TNHH Logistics Vincom	Công ty Logistic Vincom	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác có liên quan
52	Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINPATT	Công ty Vinfast	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Sản xuất xe có động cơ

(1) Tên địa chỉ đầy đủ: Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu Đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội.



About EY

EY is a global leader in assurance, tax, transaction and advisory services. The insights and quality services we deliver help build trust and confidence in the capital markets and in economies the world over. We develop outstanding leaders who team to deliver on our promises to all of our stakeholders. In so doing, we play a critical role in building a better working world for our people, for our clients and for our communities.

EY refers to the global organization and/or one or more of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2017 Ernst & Young Vietnam Limited.
All Rights Reserved.

ey.com